

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 4 – 2021
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;
2. Ông Nguyễn Quốc Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 56/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 198/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Công K, sinh năm 1978; địa chỉ: Số nhà 274, ấp VH, xã VHĐ, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 26, ấp VP, xã VHĐ, huyện AP, tỉnh An Giang.

Ông Huỳnh Công K vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị Kim M vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 09/02/2021 của ông Huỳnh Công K; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông K và bà M tự tìm hiểu quen biết và tiến đến hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú, tỉnh An Giang (theo bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 96/HT,

quyển số 01/2003 ngày 25/11/2003).

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông K và bà M lên Thành phố Hồ Chí Minh thuê, từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà M có quan hệ tình cảm với người khác, ông K đã nhiều lần khuyên can nhưng bà M không thay đổi. Ông K có báo với gia đình bà M để gia đình bà M tiếp tục khuyên can nhưng gia đình bà M cũng không khuyên can gì. Do đó, đến năm 2014 ông K và bà M sống ly thân nhau cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông K yêu cầu được ly hôn với bà M.

- Về con chung: Quá trình chung sống, ông K và bà M sinh được 02 (hai) con chung tên: Huỳnh Hoàng H, sinh ngày 23/12/2003 và Huỳnh Trung K1, sinh ngày 19/8/2008. Hiện tại, con chung đang sống cùng bà M.

Ông K đồng ý để con chung được tiếp tục chung sống với bà M, ông K không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập bà Nguyễn Thị Kim M để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 17/3/2021 nhưng bà M vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà M, bà M cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án.

Ngày 17/3/2021, Ông K có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do bận công việc làm ăn ở xa.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do ông K giao nộp: Bản tự khai; bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 96/HT, quyển số 01, ngày 25/11/2003 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú; bản sao hai giấy khai sinh mang tên Huỳnh Hoàng H và Huỳnh Trung K1; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ mang tên Huỳnh Công K; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Công K.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Huỳnh Thị Kim Quyên ngày 17/3/2021; bản tự khai ghi nhận ý kiến của hai cháu Huỳnh Hoàng H và Huỳnh Trung K1; biên bản xác minh nơi cư trú của bà Nguyễn Thị Kim M ngày 26/3/2021.

Tại phiên tòa, do ông K và bà M cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của ông K, biên bản lấy lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 17/3/2021, bà Huỳnh Thị Kim Q cho biết: Bà là em ruột của ông Huỳnh Công K. Ông K và bà M tự tìm hiểu quen biết và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Sau kết hôn

thì ông K và bà M đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh, bà M có quan hệ tình cảm với người khác. Gia đình bà cũng có báo với gia đình bà M khuyên can nhưng gia đình bà M cũng không khuyên can gì. Do đó, đến năm 2014, ông K và bà M sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không hàn gắn tình cảm.

Về con chung: Có 02 con chung hiện đang sống với bà M.

Về tài sản chung, nợ chung: Không rõ.

Do đi làm nên bà Quyên yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

- Theo biên bản xác minh ngày 26/3/2021, đại diện Ban ấp Vĩnh Phú, xã Vĩnh Hội Đông cho biết: Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1982 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 26, ấp Vĩnh Phú, xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Bà M hiện đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới trở về địa phương.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Bà Nguyễn Thị Kim M vắng mặt lần thứ hai không lý do; ông Huỳnh Công K có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng bà Huỳnh Thị Kim Q đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của ông K và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa ông K và bà M đã đến M trầm trọng, ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay không hàn gắn tình cảm, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và phía ông K tự nguyện giao con cho bà M nuôi dạy, cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu K1 và H là được sống với mẹ, nên đề nghị giao hai con chung cho bà M nuôi, nếu sau này bà M có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung thì Tòa án sẽ giải quyết trong một vụ án khác. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Kim M đều vắng mặt không lý do; đồng thời, bà M đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, bà M đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn ông Huỳnh Công K có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử

vắng mặt; người làm chứng bà Huỳnh Thị Kim Q có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa ông K và bà M hình thành do tự tìm hiểu, sau đó được gia đình hai bên đồng ý cho tổ chức lễ cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 96/HT, quyền số 01/2003 ngày 25/11/2003. Bà M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: ấp Vĩnh Phú, xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông K cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà M có quan hệ tình cảm với người khác, ông K đã nhiều lần khuyên can nhưng bà M không thay đổi. Đến năm 2014 ông K và bà M sống ly thân nhau cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông K yêu cầu được ly hôn với bà M. Những mâu thuẫn mà ông K trình bày được bà Quyên là em ruột của ông K xác nhận trong biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 17/3/2021.

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng giữa ông K và bà M lại tồn tại những mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù, ông K đã nhiều lần khuyên can nhưng bà M không thay đổi, gia đình bà M cũng không khuyên can gì dẫn đến không thể đoàn tụ và đã sống ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm đã cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Từ những phân tích nêu trên, có thể nhận thấy mâu thuẫn giữa ông K và bà M đã thật sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, ông K và bà M sinh được 02 (hai) con chung tên: Huỳnh Hoàng H, sinh ngày 23/12/2003 và Huỳnh Trung K1, sinh ngày 19/8/2008. Hiện tại, con chung đang sống cùng bà M. Khi ly hôn, ông K đồng ý giao hai con chung cho bà M nuôi, ông K không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi xem xét điều kiện nuôi con cũng như sự tự nguyện của ông K giao con cho bà M nuôi. Xét thấy từ lúc ông K và bà M ly thân nhau thì các con chung đều sống với bà M và nhận được sự chăm sóc của bà M cùng gia đình, các con chung cũng thể hiện nguyện vọng là được sống với bà M. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định để bà M được trực tiếp nuôi dạy hai con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Huỳnh Công K cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Nguyễn Thị Kim M. Ngược lại, bà Nguyễn Thị Kim M cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Huỳnh Công K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Theo quy định của pháp luật bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Sau này, bà Nguyễn Thị Kim M có yêu cầu thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết thành vụ kiện khác.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Huỳnh Công K khai không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên nếu sau này bà Nguyễn Thị Kim M có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Ông Huỳnh Công K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; bà Nguyễn Thị Kim M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông Huỳnh Công K và bà Nguyễn Thị Kim M có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về M thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Công K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Công K được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim M.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim M được trực tiếp nuôi dạy 02 (hai) con chung tên: Huỳnh Hoàng H, sinh ngày 23/12/2003 và Huỳnh Trung K1, sinh ngày 19/8/2008. Ông Huỳnh Công K không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Ông Huỳnh Công K cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng

quyền được nuôi con của bà Nguyễn Thị Kim M. Ngược lại, bà Nguyễn Thị Kim M cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Huỳnh Công K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Ông Huỳnh Công K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà ông K đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0006946 ngày 24/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Kim M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt ông Huỳnh Công K và bà Nguyễn Thị Kim M. Ông K và bà M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 96/HT, quyền số 01/2003 ngày 25/11/2003 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú, An Giang cấp cho ông Huỳnh Công K và bà Nguyễn Thị Kim M không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Vĩnh Hội Đông (01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Tuấn